

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH

Số: 784/QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trà Vinh, ngày 27 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch hành động phát triển ngành tôm tỉnh Trà Vinh
đến năm 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

SỐ NÔNG NGHIỆP & PTNT T. TRÀ VINH
ĐẾN Số: 200/1
Ngày: 17/5
Chuyển:
Lưu hồ sơ Căn cứ

Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 79/QĐ-TTg ngày 18/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia phát triển ngành tôm Việt Nam đến năm 2025;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 137/TTr-SNN ngày 10 tháng 4 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động phát triển ngành tôm tỉnh Trà Vinh đến năm 2025.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ, Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Trà Vinh; Giám đốc Công ty Điện lực Trà Vinh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành tỉnh có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ NN&PTNT;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Các Sở: TC, KH&ĐT, YT;
- Công an tỉnh;
- Như Điều 2;
- CVP, các PCVP.UBND tỉnh;
- Hội Thủy sản TV;
- Báo, Đài PT&TH TV;
- Chỉ cục TS TV;
- Các Phòng: KT, CN-XD, KG-VX, NC, TH;
- TT. TH - CB;
- Lưu: VT, NN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



*** Kim Ngọc Thái**

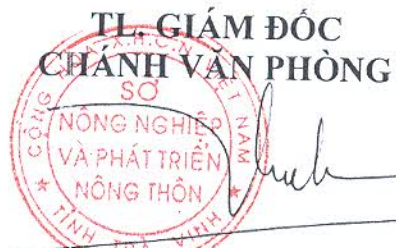
UBND TỈNH TRÀ VINH
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

SAO Y NGUYỄN VĂN
Trà Vinh, ngày 21 tháng 5 năm 2018

Số: 54 /SY-SNN

Nơi nhận:

- PGĐ Phạm Minh Truyền;
- Các phòng: KH, TC, CSTT Sở;
- Các đơn vị thuộc Sở: Chi cục TS, Chi cục CN và Thú y, Trung tâm KN;
- Lưu: VT.



Bùi Thị Thu Hòa

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

Phát triển ngành tôm tỉnh Trà Vinh đến năm 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số 784/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển ngành tôm Trà Vinh trở thành ngành công nghiệp sản xuất mũi nhọn, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường sinh thái; nâng cao chất lượng, hiệu quả sản xuất và sức cạnh tranh của sản phẩm tôm Việt Nam; mang lại lợi ích cho người dân, doanh nghiệp và nền kinh tế tỉnh nhà.

2. Mục tiêu cụ thể

- Giai đoạn 2017 - 2020:

Tăng năng suất, sản lượng, chất lượng và giá trị sản phẩm tôm Trà Vinh thông qua áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ, tổ chức lại sản xuất nâng dần diện tích nuôi thâm canh và siêu thâm canh đến năm 2020 là 600 ha; xây dựng nền tảng cần thiết để thúc đẩy tăng trưởng bền vững ở giai đoạn tiếp theo.

Một số chỉ tiêu cụ thể:

+ Giá trị sản xuất tôm đạt trên 8.703 tỷ đồng; tốc độ tăng trưởng giá trị tôm bình quân trong giai đoạn 2017 - 2020 đạt 16,95%/năm.

+ Tổng diện tích nuôi tôm nước lợ đạt 26.170 ha; trong đó, diện tích nuôi tôm sú là 18.649 ha, diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng 8.150 ha.

+ Tổng sản lượng tôm nuôi nước lợ đạt 70.640 tấn. Trong đó: Sản lượng tôm sú 18.649 tấn; tôm thẻ chân trắng đạt 51.991 tấn. Tốc độ tăng trưởng sản lượng tôm nước lợ nuôi bình quân giai đoạn 2017 - 2020 là 17,7%/năm.

- Giai đoạn 2021 - 2025:

Ngành công nghiệp sản xuất tôm siêu thâm canh, công nghệ cao và nuôi tôm rừng sinh thái quy mô lớn được hình thành và tổ chức sản xuất hợp lý; hệ thống cơ sở hạ tầng, dịch vụ kỹ thuật được đầu tư đồng bộ, hiệu quả và bền vững.

Một số chỉ tiêu cụ thể:

+ Tổng giá trị sản xuất tôm đạt 10.618 tỷ đồng; tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất tôm bình quân giai đoạn 2021 - 2025 đạt 5,1%/năm.

+ Tổng diện tích nuôi tôm nước lợ đạt 27.050 ha. Trong đó diện tích nuôi tôm sú 17.875 ha; diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng đạt 9.175 ha.

+ Tổng sản lượng tôm nuôi nước lợ đạt 86.990 tấn. Trong đó, sản lượng tôm sú 20.982 tấn; tôm thẻ chân trắng đạt 66.009 tấn. Tốc độ tăng trưởng sản lượng tôm nước lợ nuôi bình quân giai đoạn 2021- 2025 là 5,34%/năm.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

- Phát triển nuôi tôm nước lợ dựa trên khai thác tối đa lợi thế điều kiện tự nhiên, thích ứng trong điều kiện biến đổi khí hậu - xâm nhập mặn và lợi thế kinh nghiệm của người dân để phát triển ngành tôm hiệu quả. Chú trọng phát triển theo chiều sâu, gắn với việc quản lý chặt chẽ môi trường và an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Phát triển mô hình nuôi tôm theo hướng nông nghiệp công nghệ cao, với quy mô nhân rộng, phù hợp với đặc điểm từng vùng, thân thiện với môi trường, phù hợp với định hướng tái cơ cấu ngành thủy sản và ngành hàng tôm nước lợ cả nước và các vùng, tạo ra sản phẩm có chất lượng cao (tôm sinh thái, hữu cơ, có chứng nhận an toàn v.v..) xây dựng nông thôn mới, đồng thời đảm bảo hài hoà với quy hoạch phát triển các ngành kinh tế của tỉnh.

- Phát triển ngành tôm gắn với thị trường tiêu thụ, nâng cao chất lượng hướng tới không sử dụng hoá chất, thuốc kháng sinh ở tất cả các phương thức nuôi và các khâu trong chuỗi sản xuất, tiêu thụ sản phẩm tôm, gắn kết chặt chẽ với thị trường tiêu thụ và xây dựng các thương hiệu sản phẩm tôm theo vùng, phương thức nuôi.

- Phát triển ngành tôm theo tư duy hệ thống và chuỗi giá trị, trong đó doanh nghiệp đóng vai trò là trụ cột, đầu tàu và là động lực của toàn chuỗi giá trị. Tổ chức lại sản xuất theo hướng hợp tác, liên kết các nhóm hộ sản xuất nhỏ lẻ để tạo vùng sản xuất nguyên liệu tập trung quy mô lớn, tạo đầu mối để liên kết với các doanh nghiệp cung ứng vật tư đầu vào và tiêu thụ sản phẩm.

- Tổ chức lại sản xuất và đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ; hết sức chú trọng phát triển bền vững, đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả cao cả về mặt kinh tế, xã hội và môi trường; đảm bảo hài hoà lợi ích của các thành phần kinh tế, lợi ích nhà nước và xã hội trong chuỗi giá trị sản xuất và kinh doanh tôm nước lợ.

III. NHIỆM VỤ

3.1. Đối với nuôi tôm nước lợ công nghiệp (thâm canh, bán thâm canh, siêu thâm canh)

- Tổ chức rà soát, quy hoạch và quy hoạch lại các vùng nuôi tôm công nghiệp công nghệ cao, vùng sản xuất giống tập trung.

- Thu hút kêu gọi đầu tư từ các thành phần kinh tế tham gia sản xuất giống tại địa phương, sản xuất lượng tôm giống sạch bệnh, tăng trưởng nhanh để phục vụ các vùng nuôi tôm nước lợ siêu thâm canh, công nghệ cao trong và ngoài tỉnh.

- Nghiên cứu công nghệ mới, tiên tiến, phù hợp với từng vùng sinh thái và áp dụng vào thực tiễn sản xuất để tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm rủi ro và bảo vệ môi trường.

- Áp dụng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia, quy trình sản xuất ở tất cả các khâu trong chuỗi giá trị ngành tôm.

- Phát triển công nghiệp phụ trợ phục vụ phát triển ngành công nghiệp tôm.

- Phối hợp các Sở, ngành có liên quan kiểm tra, kiểm soát hệ thống sản xuất, phân phối con giống, thức ăn, thuốc, hoá chất và vật tư phục vụ ngành tôm trên phạm vi của tỉnh. Giám sát chặt chẽ chất lượng, giá vật tư cung cấp cho sản xuất tôm để đảm bảo tính minh bạch, tăng khả năng cạnh tranh và hiệu quả sản xuất ngành tôm Trà Vinh.

- Tăng cường quản lý và kiểm soát chặt chẽ dư lượng kháng sinh, hoá chất trong hoạt động nuôi trồng và chế biến thủy sản. Không khuyến khích đầu tư phát triển nuôi tôm công nghiệp ở vùng không đảm bảo nguồn nước cấp.

- Đầu tư xây dựng để cung cấp đủ điện ba pha cho các vùng sản xuất tôm tập trung. Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống giao thông, thủy lợi và cơ sở hạ tầng thiết yếu ở các vùng sản xuất tôm tập trung.

- Phối hợp với các ngành có liên quan tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các qui định về bảo vệ môi trường trong hoạt động nuôi trồng thủy sản, đặc biệt là các vùng phát triển nuôi tôm thâm canh, siêu thâm canh.

3.2. Đối với nuôi tôm sinh thái (tôm rừng), tôm quảng canh

- Quy hoạch hình thành vùng nuôi tôm sinh thái, tôm rừng, tôm quảng canh, đưa năng suất trung bình đạt trên 500 kg/ha.

- Đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng (giao thông, kênh mương cấp thoát nước) phục vụ các vùng sản xuất tôm sinh thái, tôm quảng canh tập trung, quy mô lớn.

- Tổ chức tổng kết, đánh giá các mô hình nuôi tôm thành công để hướng dẫn cho người sản xuất áp dụng (thả giống lớn, nuôi kết hợp, nuôi ghép với các loài cá ăn mùn bã hữu cơ trong ao tôm, bổ sung thức ăn,...) để tăng năng suất, sản lượng và chất lượng sản phẩm trong điều kiện thời tiết, khí hậu biến đổi ngày càng phức tạp.

- Tổ chức phát triển các Tổ hợp tác sản xuất, Hợp tác xã liên kết với các Doanh nghiệp theo chuỗi. Xây dựng thương hiệu cho sản phẩm tôm quảng canh, sinh thái của Trà Vinh để mở rộng thị trường và tăng giá trị sản phẩm.

3.3. Đối với thu mua và tiêu thụ sản phẩm tôm

- Xây dựng hình thức, cơ chế liên kết phù hợp giữa các cơ sở thu mua với cơ sở nuôi để giảm thiểu rủi ro về thị trường, giá cả và tăng hiệu quả sản xuất.

- Quản lý, kiểm soát chặt chẽ hoạt động thu mua nguyên liệu, nhập nguyên liệu, đặc biệt ngăn chặn các hoạt động bơm chích tạp chất vào sản phẩm tôm gây mất an toàn vệ sinh thực phẩm, ảnh hưởng đến uy tín và thương hiệu sản phẩm tôm Việt Nam nói chung và Trà Vinh nói riêng.

- Kiểm soát chặt chẽ nguồn nước thải, chất thải, công tác bảo hộ, an toàn lao động đối với các cơ sở thu mua, chế biến tôm trên địa bàn tỉnh.

- Tham gia, tổ chức các hội nghị xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ và các biện pháp bảo quản sau thu hoạch để xuất khẩu.

- Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tiên tiến đưa vào sơ chế, bảo quản tôm để tăng tỷ trọng mặt hàng giá trị gia tăng, đáp ứng yêu cầu các nước nhập khẩu và bảo vệ môi trường.

- Xây dựng các thương hiệu sản phẩm tôm Trà Vinh, vùng, sản phẩm có chỉ dẫn địa lý có uy tín, đáp ứng thị hiếu và lòng tin của người tiêu dùng thế giới.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tổ chức lại sản xuất

- Triển khai quy hoạch, đầu tư nâng cấp hạ tầng thủy lợi và giao thông đầu mối, nguồn điện ba pha tại các vùng sản xuất tôm công nghiệp, tập trung.

- Tổ chức lại sản xuất các vùng nuôi tôm, đặc biệt đối với các vùng nuôi chủ lực theo hướng tạo môi liên kết chặt chẽ, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa người nuôi với doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu thủy sản; đồng thời đẩy mạnh

thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nghề nuôi, đa dạng hóa đối tượng nuôi và phương thức nuôi; khuyến khích áp dụng các tiêu chuẩn thực hành nuôi tốt (VietGAP, GlobalGAP, ASC, sinh thái, hữu cơ,...), áp dụng công nghệ cao, từng bước đưa ngành nuôi tôm của tỉnh đi theo hướng thâm canh, siêu thâm canh và thực hiện quản lý vùng nuôi thông qua việc cấp mã số nhận diện ao nuôi nhằm tạo ra các vùng nuôi có sản lượng hàng hóa lớn, có chất lượng cao và ổn định, đảm bảo việc truy xuất nguồn gốc... để góp phần nâng cao giá trị sản phẩm tôm Việt Nam.

- Phối hợp các Ban, ngành chức năng, Hội thủy sản, doanh nghiệp, người sản xuất để tổ chức lại các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ hình thành các Tổ hợp tác, Hợp tác xã theo hình thức hợp tác để tạo cơ sở quy mô lớn, tập trung, đủ điều kiện liên kết với các doanh nghiệp cung ứng vật tư đầu vào và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị.

- Đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật để áp dụng công nghệ thông tin vào quản lý, sản xuất ngành tôm. Ứng dụng công nghệ mới như: tin học, viễn thám để quản lý môi trường, dịch bệnh ở các vùng nuôi tập trung.

2. Về khoa học công nghệ, khuyến ngư và hợp tác quốc tế

- Đẩy mạnh chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ vào thực tiễn cho nuôi tôm nước lợ. Áp dụng công nghệ nuôi tiết kiệm nguồn nước, ứng dụng công nghệ tuần hoàn, công nghệ sinh học trong nuôi tôm nước lợ.

- Phối hợp các Viện, Trung tâm nghiên cứu, Trường Đại học trong và ngoài nước để đẩy mạnh công tác chuyển giao quy trình nuôi tôm thương phẩm chất lượng cao, đảm bảo tiêu chuẩn xuất khẩu.

- Tăng cường chuyển giao, nâng cấp và áp dụng công nghệ tiên tiến trong sơ chế, bảo quản tôm nguyên liệu để nâng cao tỷ trọng hàng giá trị gia tăng, đảm bảo an toàn thực phẩm, đáp ứng được yêu cầu của các nước nhập khẩu.

- Đa dạng hóa và mở rộng các hình thức tuyên truyền, tập huấn, chuyển giao kỹ thuật cho người sản xuất. Thường xuyên đánh giá hiệu quả hoạt động khuyến ngư để xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến kỹ thuật cho phù hợp với điều kiện từng vùng sản xuất.

- Tổng hợp các mô hình nuôi siêu thâm canh, nuôi công nghệ cao có hiệu quả trong tỉnh và đồng bằng sông Cửu Long đảm bảo về môi trường, khuyến cáo nhân rộng để người dân trong tỉnh học tập kinh nghiệm.

- Du nhập các thiết bị, tiếp nhận các quy trình nuôi tiên tiến ở các nước có điều kiện tự nhiên tương đồng với nước ta như quy trình nuôi tôm sạch, hạn

chế thức ăn, giảm thiểu khí độc trong nuôi tôm nước lợ, giảm thiểu tác động ô nhiễm môi trường.

- Hợp tác với các nước có công nghệ nuôi tôm nước lợ tiên tiến để tiếp cận công nghệ nuôi mới, thân thiện với môi trường nhằm phát triển nuôi tôm nước lợ của tỉnh theo hướng công nghệ cao và bền vững.

3. Về thị trường và xúc tiến thương mại

- Thường xuyên cập nhật thông tin về thị trường trong nước và trên thế giới về thị hiếu tiêu dùng, chủng loại sản phẩm, dung lượng thị trường, mức độ cạnh tranh với các nước xuất khẩu khác để xây dựng kế hoạch sản xuất, tiêu thụ sản phẩm tôm hiệu quả.

- Tập trung thực hiện tốt các giải pháp để cải thiện, nâng cao hiệu quả các kênh phân phối đã hình thành. Xây dựng mở rộng các mô hình hợp tác, liên kết chặt chẽ theo chuỗi khép kín từ sản xuất đến tiêu thụ theo các đơn đặt hàng giữa nông dân và các thành phần kinh tế khác, trong đó doanh nghiệp đóng vai trò trung tâm trong định hướng thị trường và sản phẩm. Nhân rộng các mô hình kinh tế tập thể, liên kết, hợp tác trong sản xuất tiêu thụ tôm nước lợ, hình thành chuỗi giá trị phù hợp, phục vụ nhu cầu tiêu dùng nội địa và xuất khẩu.

- Đa dạng hóa các sản phẩm tôm nước lợ để đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng, trong đó chú trọng sản phẩm giá trị gia tăng để tăng giá trị xuất khẩu.

- Xây dựng thương hiệu, truy xuất nguồn gốc tôm theo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 89/TB-VPCP ngày 17/02/2017.

- Tổ chức sản xuất theo các tiêu chuẩn chứng nhận, đáp ứng các chứng nhận quốc tế có uy tín như Natuland, GlobalGAP, ASC, BAP,... để nhanh chóng tiếp cận thị trường và đáp ứng các yêu cầu, thị hiếu của người tiêu dùng, nâng cao giá trị sản phẩm tôm Việt Nam và hướng tới phát triển bền vững.

- Tổ chức các hội chợ, triển lãm giống, sản phẩm tôm nuôi và chế biến. Hỗ trợ và tạo điều kiện để các doanh nghiệp tham gia, giới thiệu sản phẩm trong và ngoài nước.

- Tăng cường nghiên cứu, đánh giá nhu cầu thị trường, khả năng cung ứng và thị hiếu tiêu dùng sản phẩm tôm nước lợ để có kế hoạch chủ động trong sản xuất.

- Củng cố, hoàn thiện hệ thống thông tin thị trường ngành tôm, nâng cao năng lực dự báo, cung cấp thông tin về cung - cầu, giá cả thị trường trên thị trường thế giới và trong nước; hỗ trợ các hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại.

4. Thích ứng biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường

- Nghiên cứu xây dựng các mô hình sản xuất tôm thích ứng với biến đổi khí hậu phù hợp với từng vùng sinh thái; đồng thời tổ chức đánh giá, tổng kết các mô hình sản xuất hiệu quả thích ứng với biến đổi khí hậu để tuyên truyền, hướng dẫn, phổ biến rộng rãi cho người nuôi tôm.

- Đầu tư lắp đặt hệ thống quan trắc môi trường nước mặt tự động để thực hiện kiểm tra chất lượng môi trường nước cũng như thu nhận thông tin từ các trung tâm cảnh báo môi trường khu vực nhằm thông tin kịp thời cho người nuôi tôm có biện pháp khắc phục và xử lý kịp thời.

- Tăng cường quản lý ao nuôi thâm canh, siêu thâm canh, cơ sở nuôi diện tích mặt nước 0,5 - 10 ha phải đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường và từ 10 ha trở lên phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và trình cấp có thẩm quyền xác nhận/phê duyệt trước khi triển khai dự án hoạt động.

- Lập thủ tục môi trường theo quy định tại Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường bắt buộc nuôi tôm nước lợ phải có thu gom xử lý nước thải, bùn thải, ao xử lý nước thải chiếm 10 - 15% mặt nước nuôi.

- Có cơ chế chính sách khuyến khích đầu tư về công tác bảo vệ môi trường cho các cơ sở chế biến, nhất là đầu tư công nghệ chế biến và xử lý chất thải theo hướng hiện đại. Dành riêng nguồn vốn cho các doanh nghiệp xây dựng hệ thống xử lý chất thải với thời gian cho vay dài hạn, mức lãi thấp (hoặc không tính lãi).

- Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp, nhất là cần kiên quyết xử lý triệt để những hành vi vi phạm các quy định của Luật bảo vệ môi trường. Đồng thời, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho các chủ đầu tư và các chủ doanh nghiệp.

- Có các biện pháp chế tài, xử phạt để xử lý các hộ dân trong vùng quy hoạch không tuân theo các quy định và hướng dẫn của các cán bộ chuyên môn và các ban ngành có chức năng.

5. Cơ chế chính sách

- Triển khai thực hiện tốt Nghị định 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ; Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 25/04/2014 về Triển khai thực hiện Nghị định 210/2013/NĐ-CP về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư

vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị định 15/2015/NĐ-CP, ngày 14/02/2015 của Chính phủ về Đầu tư theo hình thức đối tác công tư; Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ Về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và Quyết định số 28/2015/QĐ-UBND ngày 09/11/2015 của UBND tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2015-2020.

- Vận dụng, áp dụng các chính sách về khoa học công nghệ, khuyến khích áp dụng công nghệ cao, công nghệ mới vào sản xuất ở các khâu của chuỗi sản xuất tôm; các chính sách đất đai, giao, cho thuê sử dụng mặt nước (chính sách tích tụ ruộng đất, dồn điền đổi thửa tạo vùng sản xuất lớn, tập trung, trong đó doanh nghiệp là trung tâm; chính sách tín dụng, bảo hiểm,...).

- Trung ương cần sớm ban hành quy chuẩn nuôi tôm siêu thâm canh, công nghệ cao; tỉnh cần có chính sách khuyến khích thu hút đầu tư vào ngành tôm, đầu tư nuôi tôm công nghệ cao, đầu tư cơ sở hạ tầng cho các vùng nuôi tôm công nghiệp và hướng dẫn nuôi tôm siêu thâm canh và ứng dụng công nghệ cao.

6. Về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ ngành tôm

- Khuyến khích các cơ sở nghiên cứu, đào tạo gắn kết với các doanh nghiệp, trang trại và cơ sở sản xuất tôm để đưa nhanh tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới vào sản xuất.

- Tập trung đào tạo cán bộ có trình độ chuyên môn cao, cán bộ khoa học và cán bộ quản lý ngành tôm; xã hội hóa trong việc đào tạo lực lượng lao động trực tiếp trong ngành tôm, hướng tới đào tạo có địa chỉ, theo nhu cầu thị trường.

- Tổ chức tập huấn, đào tạo; hướng dẫn kỹ thuật, mô hình trình diễn trong sản xuất giống, nuôi tôm thương phẩm để người sản xuất, doanh nghiệp tiếp cận các tiến bộ kỹ thuật mới.

7. Vấn đề đầu tư

- Thực hiện xã hội hóa nguồn vốn đầu tư bằng việc huy động tối đa các nguồn lực và lồng ghép với các chương trình mục tiêu, các dự án đầu tư phát triển, xây dựng nông thôn mới đã được phê duyệt và đang triển khai để thực hiện đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng vùng sản xuất tập trung,...từ các nguồn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương, nguồn vốn đầu tư theo hình thức hợp tác công tư, các tổ chức phi chính phủ, trong đó:

+ Nguồn vốn ngân sách Nhà nước, gồm vốn Trung ương và vốn địa phương chủ yếu hỗ trợ thực hiện đầu tư hạ tầng kỹ thuật thiết yếu kết nối đến

vùng nuôi tôm tập trung, bao gồm hệ thống giao thông, hệ thống điện, hệ thống thủy lợi.

+ Nguồn vốn huy động trong dân và doanh nghiệp chủ yếu để thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng vùng nuôi, hệ thống giao thông nội vùng, hệ thống kênh mương nội đồng đầu nối vùng nuôi của hộ dân và doanh nghiệp vào hạ tầng giao thông, thủy lợi đầu vùng nuôi; kéo lưới điện từ các trạm điện tập trung của vùng nuôi đến các khu nuôi của riêng từng hộ và doanh nghiệp.

- Bổ sung nguồn vốn đầu tư phát triển ngành tôm từ nguồn ODA để thực hiện thành công kế hoạch phát triển ngành tôm.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch, trong đó:

- Tăng cường hoạt động thông tin, tuyên truyền, quán triệt đến các cấp, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và người dân về Kế hoạch hành động của Thủ tướng Chính phủ và của tỉnh.

- Triển khai quy hoạch, tổ chức rà soát, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện quy hoạch vùng sản xuất tôm trên địa bàn tỉnh để đạt được mục tiêu đề ra đến năm 2025.

- Triển khai các chương trình, đề án, dự án trong Kế hoạch.

- Tổ chức áp dụng và kiểm soát thực hiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn trong chuỗi giá trị sản xuất của tôm sú, tôm thẻ chân trắng.

- Xây dựng các cơ chế chính sách thu hút đầu tư vào tất cả các khâu trong chuỗi sản xuất của tôm sú, tôm thẻ chân trắng, triển khai chính sách phát triển nuôi tôm theo Tiêu chuẩn chứng nhận.

- Tổ chức, liên kết giữa các thành phần trong chuỗi sản xuất ngành tôm.

- Tổ chức thực hiện tốt lịch mùa vụ hàng năm, quan trắc, cảnh báo môi trường và phòng ngừa dịch bệnh; tăng cường công tác thanh, kiểm tra đột xuất các hoạt động sản xuất kinh doanh phục vụ ngành tôm. Giám sát bệnh dịch trên tôm nuôi; kiểm soát và quản lý chất lượng con giống, sản phẩm vật tư đầu vào, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, sử dụng vật tư nông nghiệp trong nuôi trồng thủy sản, các cơ sở thu gom, chế biến tôm.

- Kiểm tra, giám sát để ngăn chặn nạn bơm chích tạp chất vào tôm và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trong hoạt động ngành tôm.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển ngành tôm tỉnh Trà Vinh.

- Tranh thủ nguồn vốn ngân sách Nhà nước (vốn trung ương, địa phương) kết hợp lồng ghép các hạng mục công trình lưới điện vào các dự án đầu tư công trình thủy lợi phục vụ nuôi tôm trên địa bàn tỉnh.

- Tổng kết, đánh giá các mô hình sản xuất tôm hiệu quả để phổ biến, tuyên truyền đến người sản xuất áp dụng.

- Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện Kế hoạch định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng và tổng kết năm; đồng thời, đề xuất, kiến nghị tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xác định danh mục nhiệm vụ khoa học công nghệ phát triển ngành tôm; hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp về đăng ký nhãn mác, xây dựng thương hiệu; nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, mô hình tiên tiến trong nuôi trồng, chế biến và xử lý chất thải trong hoạt động sản xuất.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và cơ quan có liên quan, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng cơ chế chính sách, thực hiện chính sách của Trung ương, chính sách huy động nguồn lực từ các doanh nghiệp và các tổ chức khác tham gia vào nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ vào phát triển ngành tôm ở tỉnh Trà Vinh.

- Xây dựng, triển khai thực hiện các chương trình, đề án, dự án được giao.

3. Sở Công Thương

- Thường xuyên cập nhật thông giá cả tin thị trường trong và ngoài nước cho các cơ quan, doanh nghiệp, người sản xuất liên quan theo dõi.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các doanh nghiệp thủy sản tăng cường thực hiện công tác xúc tiến thương mại để quảng bá, giới thiệu sản phẩm tôm với thị trường trong và ngoài nước; xây dựng chuỗi liên kết sản phẩm tôm; phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Công ty Điện lực Trà Vinh để cập nhật, bổ sung nhu cầu điện cho các vùng nuôi tôm vào kế hoạch phát triển hệ thống lưới điện của tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các ngành chức năng tổ chức thực hiện tốt các công tác quản lý thị trường đối với ngành tôm; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật trong sản xuất, kinh doanh các sản phẩm vật tư đầu vào phục vụ sản xuất ngành tôm.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Đề xuất giải pháp huy động các nguồn lực (bao gồm vốn ODA) để xây dựng và thực hiện các chương trình, dự án phát triển ngành tôm Trà Vinh.

- Xây dựng phương án bổ sung nguồn lực đảm bảo đủ để thực hiện Kế hoạch phát triển ngành tôm; Thẩm định các dự án và ưu tiên bố trí nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng vùng sản xuất giống và vùng nuôi tôm tập trung trong kế hoạch trung hạn 2016 - 2020 sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và điều chỉnh.

- Đề xuất phương án phân bổ nguồn vốn để thực hiện các chương trình, đề án, dự án được thẩm định, phê duyệt.

5. Sở Tài chính

Hàng năm căn cứ khả năng ngân sách, tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh về kinh phí để thực hiện Kế hoạch. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các chính sách về tài chính theo quy định.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Xây dựng chính sách dồn điền đổi thửa, tích tụ ruộng đất trong sản xuất tôm phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

- Xây dựng chính sách, quy chế phối hợp trong việc giao đất, cho thuê đất, mặt nước ven biển để nuôi trồng thủy sản.

- Xây dựng các phương án phòng ngừa, thích ứng với biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường tác động đến ngành tôm.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn người dân thực hiện công tác bảo vệ môi trường, hướng dẫn thực hiện trình tự, thủ tục bảo vệ môi trường trình cơ quan quản lý thẩm định, phê duyệt.

7. Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Trà Vinh

Phối hợp với các Sở, ngành chức năng chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh tập trung đầu tư vốn cho các lĩnh vực ưu tiên; hướng dẫn, thực hiện hiệu quả các chính sách tín dụng phục vụ nông nghiệp, nông thôn; tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp tiếp cận vốn tín dụng phục vụ sản xuất kinh doanh theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ, đặc biệt là Chương trình cho vay đối với chương trình, dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch với lãi suất thấp.

8. Điện lực Trà Vinh

- Rà soát, đánh giá hiện trạng hệ thống điện các vùng sản xuất tôm tập trung theo danh mục khu vực địa phương cung cấp.

- Xây dựng kế hoạch bố trí vốn đầu tư lưới điện phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực trên địa bàn để cung cấp đủ điện ba pha cho các vùng nuôi tôm công nghiệp, ưu tiên các vùng nuôi tôm công nghiệp tập trung.

9. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Tiến hành xây dựng kế hoạch chi tiết các vùng nuôi trồng thủy sản trên cơ sở Quy hoạch tổng thể phát triển thủy sản tỉnh Trà Vinh đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030; Quy hoạch chi tiết nuôi tôm lợ tỉnh Trà Vinh đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030. Tổ chức thực hiện và quản lý sản xuất theo quy hoạch, đảm bảo phát triển sản xuất thủy sản nói chung và tôm lợ, mặn nói riêng theo Kế hoạch này.

- Cập nhật quy hoạch chi tiết các vùng nuôi trồng thủy sản vào quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đảm bảo cho việc giao đất, cho thuê đất, mặt nước ven biển nuôi trồng thủy sản.

- Quản lý, kiểm soát chặt chẽ việc nuôi trồng thủy sản tự phát của người dân trên địa bàn, đặc biệt là các vùng sản xuất lúa.

- Khuyến khích, thu hút doanh nghiệp tư nhân, phát triển các mô hình hợp tác xã đầu tư vào nuôi, sản xuất giống tôm.

- Phối hợp với ngành chức năng tăng cường quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh tôm giống, thức ăn, thuốc và chất xử lý cải tạo môi trường trong sản xuất tôm và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định.

- Xây dựng kế hoạch liên kết vùng để phát huy lợi thế sản xuất, kinh doanh tôm, hình thành trung tâm sản xuất tập trung công nghệ cao nhằm thu hút nguồn lực, phát triển các mô hình nuôi sinh thái, hữu cơ, không sử dụng hoá chất, kháng sinh trong hoạt động sản xuất.

- Phối hợp giám sát, quản lý dịch bệnh, ô nhiễm môi trường trong hoạt động sản xuất, đặc biệt là các vùng nuôi thâm canh, siêu thâm canh. Tuyên truyền, hướng dẫn người dân áp dụng các tiến bộ khoa học, nuôi tôm an toàn, nuôi tôm sạch.

- Căn cứ các chỉ tiêu về ngành tôm được phân bổ trong Kế hoạch này để xây dựng kế hoạch hành động cụ thể chi tiết cho địa phương mình, tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả.

10. Các Hội, Hiệp hội nghề nghiệp

- Có trách nhiệm tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn đến các Chi hội, hội viên tích cực tham gia Kế hoạch phát triển ngành tôm của tỉnh; tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người nuôi, chế biến, tiêu thụ sản phẩm tôm Trà Vinh; tạo mối liên kết giữa người nuôi với ngân hàng, cơ quan khoa học, doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ, bảo đảm phát triển ổn định, chất lượng và hiệu quả.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng để khuyến khích, hỗ trợ ngành tôm phát triển, đồng thời tăng cường quản lý chặt chẽ chất lượng sản phẩm, đặc biệt là sản phẩm tôm xuất khẩu; phối hợp với doanh nghiệp đẩy mạnh xúc tiến thương mại, ổn định và mở rộng thị trường;

- Thường xuyên thông tin về thị trường trong nước và trên thế giới cho doanh nghiệp và người nuôi tôm để chủ động trong sản xuất.

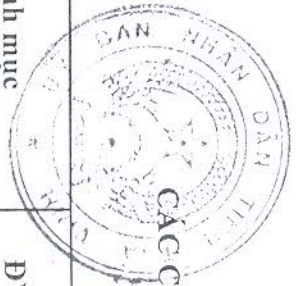
(Chi tiết Phụ lục 1, Phụ lục 2, Phụ lục 3 đính kèm)

Trên đây là Kế hoạch hành động phát triển ngành tôm tỉnh Trà Vinh đến năm 2025; yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ngành, địa phương có liên quan phối hợp triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, kịp thời báo cáo các khó khăn, vướng mắc, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) xem xét, xử lý theo thẩm quyền./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Kim Ngọc Thái



PHỤ LỤC I
CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN NGÀNH TÔM ĐẾN NĂM 2025

TT	Danh mục	ĐVT	Hiện trạng Năm 2016	Quy hoạch		Tăng trưởng Giai đoạn 2017-2020 (%)	Tăng trưởng Giai đoạn 2021-2025 (%)
				Năm 2020	Năm 2025		
1	Diện tích nuôi	ha	24.034	26.170	27.050	2,15	0,83
	- Tôm sú	ha	18.609	18.020	17.875	-0,80	-0,20
	+ QC, QCCCT	-	15.297	13.070	12.570	-3,86	-0,97
	+ BTC, TC	-	3.312	4.950	5.305	10,57	1,75
	- Tôm thẻ chân trắng + Tôm công nghệ cao	-	5.187	8.150	9.175	11,96	3,01
2	Sản lượng thu hoạch	tấn	36.809	70.640	86.990	17,70	5,34
	- Tôm sú	-	12.736	18.649	20.982	10,00	2,99
	+ QC, QCCCT	-	3.313	4.811	5.063	9,78	1,28
	+ BTC, TC	-	9.423	13.839	15.919	10,09	3,56
	- Tôm thẻ chân trắng + Tôm công nghệ cao	-	23.775	51.991	66.009	21,61	6,15
3	Giá trị sản xuất	Tỷ đồng	4.653	8.703	10.618	16,95	5,10
	- Tôm sú	-	2.038	2.984	3.357	10,00	2,99
	- Tôm thẻ chân trắng	-	2.615	5.719	7.261	21,61	6,15



PHÂN BỐ CHỈ TIÊU ĐẾN NĂM 2020

PHỤ LỤC 2
PHÂN BỐ CHỈ TIÊU ĐẾN NĂM 2025

TT	Địa phương	Tổng DT (ha)	Tổng SL (tấn)	Tôm sú		Tôm thẻ chân trắng		Tôm công nghệ cao	
				Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)
1	Thành phố Trà Vinh	70	228	30	60	40	168		
2	Thị xã Duyên Hải	7.200	15.740	5.500	4.680	1.700	11.060	100	2.758
3	Huyện Duyên Hải	9.280	11.126	8.500	5.356	780	5.770	50	1.379
4	Huyện Cầu Ngang	6.500	32.450	1.900	7.300	4.600	25.150	100	3.000
5	Huyện Châu Thành	2.500	5.530	1.860	1.055	640	4.475	50	1.379
6	Huyện Trà Cú	400	4.716	160	84	240	4.632	150	4.137
7	Huyện Tiểu Cần	200	842	70	114	130	728		
8	Huyện Càng Long	19	112			19,1	112		
Tổng cộng:		26.169	70.640	18.020	18.649	8.149	52.095	450	12.653

PHÂN BỐ CHỈ TIÊU ĐẾN NĂM 2025

TT	Địa phương	Tổng DT (ha)	Tổng SL (tấn)	Tôm sú		Tôm thẻ chân trắng		Tôm công nghệ cao	
				Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)
1	Thành phố Trà Vinh	110	442	40	117,5	70	324		
2	Thị xã Duyên Hải	7.250	18.642	5.350	5.080	1.900	13.562	150	4.373
3	Huyện Duyên Hải	9.365	13.773	8.400	5.708	965	8.065	75	2.186
4	Huyện Cầu Ngang	6.950	39.285	1.950	8.430	5.000	30.855	300	9.000
5	Huyện Châu Thành	2.600	7.687	1.870	1.333	730	6.354	75	2.186
6	Huyện Trà Cú	490	5.771	180	152	310	5.619	175	5.101
7	Huyện Tiểu Cần	250	1.156	85	162	165	994		
8	Huyện Càng Long	35	236			35	236		
Tổng cộng:		27.050	86.990,5	17.875	20.982	9.175	66.009	775	22.846



PHỤ LỤC 3

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 784/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

TT	Chương trình thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
01	Tuyên truyền, tập huấn chuyển giao KHKT, tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình kỹ thuật (300 cuộc/năm)	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	2018 - 2025 (Hàng năm)
02	Triển khai các chương trình, đề án, dự án được phê duyệt theo Quyết định số 109/QĐ-UBND ngày 18/01/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết nuôi Tôm nước lợ tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030,	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính UBND các huyện, thị xã, thành phố	2018 - 2025
03	Xây dựng cơ chế chính sách khuyến khích, thu hút, đầu tư vào ngành hàng tôm đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Kế hoạch và Đầu tư, các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2018
04	Thực hiện công tác quan trắc, cảnh báo môi trường, Kế hoạch phòng chống dịch bệnh thủy sản theo Thông tư 04/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 quy định phòng chống dịch bệnh động vật thủy sản	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	2018 - 2025 (Hàng năm)
05	Tổng kết, đánh giá các mô hình sản xuất tôm hiệu quả để phổ biến, đến người sản xuất học tập kinh nghiệm.	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	2018 - 2025 (Hàng năm)

06	Xây dựng Kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản bền vững giai đoạn năm 2018-2020 và đến năm 2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành liên quan	Năm 2018
07	Tham mưu UBND tỉnh xác định danh mục nhiệm vụ khoa học công nghệ phát triển ngành tôm; hướng dẫn, các doanh nghiệp về đăng ký nhãn mác, xây dựng thương hiệu; nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, mô hình tiên tiến trong nuôi trồng, chế biến và xử lý chất thải trong hoạt động sản xuất.	Sở Khoa học và CN	Sở Nông nghiệp và PTNT, các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2018 - 2025 (Hàng năm)
08	Xây dựng cơ chế chính sách, thực hiện chính sách của Trung ương, chính sách huy động nguồn lực từ các doanh nghiệp và các tổ chức khác tham gia vào nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ vào phát triển ngành tôm ở tỉnh.	Sở Khoa học và CN	Sở Nông nghiệp và PTNT, các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2018 - 2019
09	Xây dựng Kế hoạch cập nhật, bổ sung nhu cầu điện cho các vùng nuôi tôm vào kế hoạch phát triển hệ thống lưới điện của tỉnh.	Sở Công Thương	Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND các huyện, thị xã, thành phố, Công ty Điện lực Trà Vinh	Năm 2018 - 2025 (Hàng năm)
10	Xây dựng Kế hoạch bố trí vốn đầu tư điện 3 pha cho các vùng sản xuất tôm công nghiệp tập trung.	Công ty Điện lực Trà Vinh	Sở Nông nghiệp và PTNT, các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2018

11	<p>- Đề xuất giải pháp huy động các nguồn lực (bao gồm vốn ODA) để xây dựng và thực hiện các chương trình, dự án phát triển ngành tôm và các chương trình, dự án đã phê duyệt.</p> <p>- Thẩm định các dự án và ưu tiên bố trí nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng vùng sản xuất giống và vùng nuôi tôm tập trung trong kế hoạch trung hạn 2020 - 2025</p>	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Năm 2018
12	Hàng năm căn cứ khả năng ngân sách, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo đề xuất cho UBND tỉnh về dự toán chi thường xuyên khối tỉnh để thực hiện Kế hoạch hành động phát triển ngành tôm tỉnh Trà Vinh đến năm 2025.	Sở Tài Chính	Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Hàng năm
13	<p>- Xây dựng chính sách dồn điền đổi thửa, tích tụ ruộng đất trong sản xuất tôm phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh theo Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đất đai.</p> <p>- Hướng dẫn người dân thực hiện công tác bảo vệ môi trường theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cơ quan quản lý thẩm định, phê duyệt.</p>	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2018

14	Hướng dẫn thực hiện chính sách tín dụng trong hoạt động nuôi tôm thương phẩm và sản xuất giống, đặc biệt là chương trình dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ Về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Trà Vinh	Sở Nông nghiệp và PTNT, các Sở, ngành có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2018
15	Cần cứ các chỉ tiêu về ngành tôm được phân bổ trong Kế hoạch này để xây dựng Kế hoạch hành động cụ thể chi tiết cho địa phương mình.	UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Nông nghiệp và PTNT, các Sở, ngành có liên quan	01/6/2018
16	Xây dựng kế hoạch liên kết vùng để phát huy lợi thế sản xuất, kinh doanh tôm, hình thành trung tâm sản xuất tập trung công nghệ cao nhằm thu hút nguồn lực đầu tư.	UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Nông nghiệp và PTNT, các Sở, ngành có liên quan	01/6/2018
17	Phối hợp với cơ quan chuyên môn, doanh nghiệp đẩy mạnh xúc tiến thương mại, ổn định và mở rộng thị trường; tăng cường quảng bá sản phẩm tôm Trà Vinh, tham gia bảo vệ lợi ích chính đáng cho người nuôi, doanh nghiệp, tạo mối liên kết trong chuỗi giá trị ngành hàng tôm.	Sở Công thương	Các Sở, ngành có liên quan	Hàng năm
18	Thực hiện kêu gọi các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh đầu tư vào lĩnh vực sản xuất giống tôm ứng dụng công nghệ cao để tạo ra giống chất lượng tốt; kêu gọi xây dựng nhà máy chế biến tôm vào địa bàn tỉnh.	Sở Nông nghiệp và PTNT.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Hàng năm